

Một cách nhìn khác về tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam

VŨ TRUNG*

Dẫn luận

Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt có từ bao giờ? Nó có cùng lúc với tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, hay tục thờ thành hoàng? Đây là câu hỏi mà các nhà nghiên cứu lịch sử, văn hoá Việt Nam còn chưa thống nhất về câu trả lời. Nếu như tín ngưỡng phồn thực gắn liền với khát vọng cầu mong sự sinh sôi nảy nở mà hiện nay *chỉ còn là một thứ trầm tích văn hoá*⁽¹⁾; Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên tồn tại dưới nhiều dạng thức không chỉ có ở người Việt mà bao trùm lên đời sống của nhiều tộc người; Tín ngưỡng thờ Thành hoàng đã tạo cho những ngôi đình Việt trở thành một không gian sinh hoạt tín ngưỡng đặc biệt; thì tín ngưỡng thờ Mẫu trong quá trình vận động đã không chỉ phổ biến rộng khắp mà còn hình thành nên các trung tâm thờ cúng lớn, vượt quan không gian một làng, một xã. Hay nói cách khác, quá trình vận động của tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam là quá trình lan toả về không gian - suốt từ Bắc vào Nam, từ miền duyên hải, qua châu thổ lên miền núi; từ những nơi hẻo lánh đến trung tâm đô thị.

1. Tín ngưỡng thờ Mẫu trong quá trình vận động

Nếu chỉ nhìn vào hình thức, người ta thường thống nhất và xếp tín ngưỡng thờ Mẫu vào loại hình tín ngưỡng dân gian. Song trên thực tế, tín ngưỡng này kết hợp với các giáo lý, nghi thức của rất nhiều tôn giáo khác như Bàlamôn giáo, Phật giáo... Từ tín ngưỡng sơ khai là thờ mẹ, thờ nữ thần khi tiếp xúc với Phật giáo các vị thần này mà ở đây chính là hệ thống Tứ pháp đã được Phật hóa thành Phật Mẫu Man Nương và các con là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Đặc biệt hơn nữa, GS Trần Quốc Vượng đã phát hiện ở quần thể di tích Phủ Dầy - nơi thờ thánh mẫu Liễu Hạnh, phủ Vân Cát gắn với thần mây, ngôi đền Đề Sát gắn với thần mưa, phủ Công Đồng phối thờ Lôi Công và đền Đông Cao phối thờ thần gió. Có thể thấy rằng, tín ngưỡng Tứ pháp đã nhạt dần khi khai phá xong châu thổ sông Hồng và chuyển hóa thành tín ngưỡng Tứ phủ. Hiện nay, tín ngưỡng thờ Mẫu rất đa dạng, hệ thống các đền, các phủ trải dọc trên các miền đất nước từ Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái đến tận Châu Đốc (An Giang).

* Vũ Trung, NCS, Viện Nghiên cứu Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

Vì sao lại có những chuyển đổi như vậy, tại sao đến tận thế kỷ 16, 17 Mẫu Liễu lại trở thành một trong tứ bất tử của người Việt? Và tín ngưỡng này mang tính quốc gia với mức ảnh hưởng sâu rộng không thua kém bất cứ một tôn giáo nào ở Việt Nam. Để giải thích câu hỏi này, chúng tôi muốn nhắc đến một nhân vật, một vị thánh Mẫu đã đi sâu vào tiềm thức của người Việt, đó là thánh Mẫu Liễu Hạnh.

Truyền thuyết về thánh Mẫu Liễu Hạnh xuất hiện vào thế kỷ 16 mà trước tiên là ở Phủ Dầy sau đó đến Lạng Sơn, Phủ Tây Hồ, đền Đông Cuông rồi đến đền Sòng Phố Cát đã cho thấy: Không phải ngẫu nhiên mà những trung tâm thờ Mẫu lớn lại nằm trên những vị trí địa chính trị - quân sự đặc biệt quan trọng của các triều đại phong kiến Việt Nam. Phủ Dầy nằm trên đường thiên lý từ kinh thành Thăng Long đi về phía Nam, đây là vị trí phòng thủ khu vực của sông Đáy từ biển Đông vào kinh thành Thăng Long. Không những thế đây còn là trung tâm giao lưu buôn bán lớn của vùng Sơn Nam hạ. Phủ Tây Hồ - nơi Mẫu Liễu Hạnh gặp gỡ với Trạng Bùng - Phùng Khắc Khoan là một minh chứng điển hình cho sự kết hợp giữa yếu tố thực của đời sống hàng ngày với truyền thuyết về thánh Mẫu. Nằm trên dải đất sa bồi của vùng thượng Châu thổ ven sông Hồng, đền Đông Cuông xưa là ngôi đền thờ thần vệ quốc có tên húy là Thổ Lệnh và Thạch Khanh, những người có công bảo vệ tổ quốc, chữa bệnh cứu giúp dân lành. Về sau có phối thờ thánh mẫu Liễu Hạnh.

Một lý do khác để tín ngưỡng thờ Mẫu phát triển mang tính quốc gia là vào thế

kỷ 16, 17 - đây là thời kỳ đất nước có nhiều biến động: sự tranh giành quyền lực giữa đảng trong, đảng ngoài; quá trình mở rộng đất nước về phía Nam ngày một mạnh mẽ; sự xuất hiện của kinh tế hàng hóa với hai thương cảng lớn Phố Hiến, Hội An, cùng sự xâm nhập của đạo Thiên chúa vào Việt Nam... Chính những tác động về chính trị, kinh tế, xã hội là điều kiện cơ bản để tín ngưỡng thờ Mẫu phát triển và lan toả.

Hiện nay, tín ngưỡng thờ Mẫu là một hệ thống gồm rất nhiều các vị thần mà nhân vật trung tâm là thánh mẫu Liễu Hạnh. Theo thống kê chưa đầy đủ thì có khoảng trên dưới 60 vị thần trong hệ thống này. Đây là một tập hợp đa dạng từ nhân thân, thiên thân, nữ thần cho đến nam thần... Theo các nhà nghiên cứu, đứng đầu là trong tín ngưỡng thờ Mẫu là tam toà, tứ phủ, tiếp đó là đức thánh cha, ngũ vị quan lớn, thập vị tôn ông, thập nhị châu bà và các cô, các cậu... Tam toà thánh mẫu chính là hiện thân của Mẫu Liễu còn tứ phủ là Mẫu thượng ngàn, mẫu Thoải, mẫu Địa và mẫu Thượng Thiên. Tứ phủ còn đại diện cho ngũ hành, được phân biệt bởi màu sắc trang phục của các vị thần: Mẫu thượng ngàn đại diện cho hành kim, mộc; Mẫu Thoải đại diện cho hành thủy, mẫu địa là hành thổ còn mẫu thiên là hành hỏa. Tứ vị châu bà là đệ tử thuộc tứ phủ thánh Mẫu trấn bốn phương trời; Theo các nhà nghiên cứu thì ngũ vị quan lớn là bộ tướng nhà Trần; Thập Nhị Châu Bà ứng với thập nhị địa chi; Thập vị tiên ông là các ông hoàng thì ứng với mười thiên can; tín ngưỡng thờ Mẫu còn thờ các cô, các cậu đại diện cho những thế hệ kế

tiếp. Ngoài ra, còn có nhị vị thánh mẫu Sơn Trang được tách thờ riêng từ Mẫu Thượng Ngàn...

Hệ thống các vị thần trong tín ngưỡng thờ Mẫu rất đa dạng phong phú có nguồn gốc khác nhau, sự liên kết giữa các vị thần này khá lỏng lẻo, riêng rẽ nhưng vẫn có sự qui định rõ ràng là các vị thần này đều là những người phù trợ hay giúp đỡ cho thánh mẫu Liễu Hạnh.

2. Vị trí của Nam thần trong tín ngưỡng thờ Mẫu

Tín ngưỡng thờ Mẫu có rất nhiều vị thần trong đã nam thần chiếm gần một nửa. Nhưng thực chất chỉ có một vài vị là có danh tính rõ ràng và có vai trò quan trọng không chỉ trong tín ngưỡng thờ Mẫu mà có vị trí nhất định trong lịch sử dân tộc như: đức thánh Trần được suy tôn là Vua Cha – nơi thờ chính là đền Kiếp Bạc, tỉnh Hải Dương. Vua Cha Bát Hải Đại Vương Lỗ, huyện Phụ Dực, ngày nay là xã An Lễ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Khảo sát về mặt địa lý nơi thờ các vị thần trong tín ngưỡng thờ Mẫu nói chung, hay hệ thống nam thần nói riêng, thì thấy phần lớn các vị trí này thường trấn giữ những con đường huyết mạch về giao thông đường thủy, nơi hiểm yếu về mặt quân sự, giao lưu kinh tế như: **đền Đồng Bằng** là vị trí bảo vệ tông miếu của nhà Trần, trấn giữ cửa sông Hóa, tiến sâu vào phía trong là **đền thờ Quan lớn Tuấn Tranh, đền thờ ông Hoàng Mười** nằm trên con đường thiên lý Thanh - Nghệ và **đền Cửa Ông** nằm ở cửa sông Bạch Đằng... Như vậy, chúng ta có thể khẳng định rằng: hệ thống nam thần đã nhập

vào tín ngưỡng thờ Mẫu trong quá trình phát triển. Hệ thống này góp phần quan trọng trong việc mở rộng phạm vi ảnh hưởng và khẳng định vị trí của nó trên bình diện quốc gia.

3. Quá trình mở rộng của tín ngưỡng thờ Mẫu về phía Nam

Cùng với quá trình mở rộng lãnh thổ về phía Nam của các triều đại phong kiến thì tín ngưỡng thờ Mẫu đã tích hợp, hoà quyện vào các tín ngưỡng mang tính tương đồng của các tộc người khác như Chăm, Khơ me... Ví như làng Thu Bồn thuộc tỉnh Quảng Nam thờ hai "lớp" thần, lớp thần thứ nhất là Pô Inư Naga hay còn gọi là Thiên Yana - vị thần của người Chăm và lớp thứ hai là Lệ Bà Thu Bồn của người Việt.

Từ Quảng Nam - nơi có dòng sông Thu Bồn, thánh địa Mỹ Sơn, đô thị cổ Hội An ngược lên cố đô Huế - nơi có dòng sông Hương, là kinh đô của triều Nguyễn với điện Hòn Chén là một trong những trung tâm tín ngưỡng thờ Mẫu lớn nhất miền Trung. Ngày nay, chúng ta rất khó nhận diện một cách đầy đủ về tín ngưỡng thờ Mẫu của cư dân nơi đây. Chỉ biết rằng: các con nhang đệ tử của thánh Mẫu từ phía Bắc, chủ yếu là cư dân Thanh Hóa - nơi có đền Sòng Phố Cát đã mang theo linh tượng của Mẫu như một hành trang tinh thần khi vào lập nghiệp ở vùng đất mới, họ đã phối thờ thánh Mẫu Liễu Hạnh với Thiên Yana cùng các vị thần bản địa.

Điện Hòn Chén tọa lạc trên núi Ngọc Trản, xã Hải Cát, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xưa là một ngôi đền thờ sơn thần, phía trước có vực sâu, tương

truyền dưới đây vực là hang thủy tộc, có rùa to bằng tám chiếu, mỗi khi rùa nổi ắt có điều chẳng lành. Sự tích của ngôi đền còn gắn liền với câu chuyện về vị hoàng phi của Vua Thiệu Trị, khi đến đây đã đánh rơi chiếc ống nhỏ bằng vàng xuống vực, cho dù chưa tin lắm nhưng nhà vua vẫn khấn Thánh Mẫu: Nếu chiếc ống nhỏ nổi lên thì ta sẽ cho tu sửa điện thờ. Sau lời khấn, chiếc ống nhỏ nổi lên. Vua Thiệu Trị mất khi chưa thực hiện xong lời hứa nên đến thời Đồng Khánh năm 1885, ngôi đền được tu sửa và bức hoành phi Huệ Nam Điện thay thế cho tên cũ Ngọc Trấn Sơn Từ... Qua đây, chúng ta thấy được vị trí nhất định của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến.

Lễ hội điện Hòn Chén được tổ chức vào thượng tuần tháng 7 âm lịch, tất cả con nhang đệ tử tại Huế và các vùng phụ cận như: Quảng Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng... đều hành hương về đây. Lễ hội được tổ chức trong 3 ngày với những nghi lễ cáo yết, phóng sinh, phóng đăng... Lễ rước Mẫu dọc sông Hương về ngự tại đình làng Hải Cát là một nghi lễ trang trọng nhằm tôn vinh thánh Mẫu như một bà mẹ lớn của cả cộng đồng.

Với vùng đất Nam Bộ, tác giả của cuốn *Gia Định thành thông chí*, cũng như các tác giả của cuốn *Đại Nam nhất thống chí* đều có nhận xét rằng: người Việt ở đây “*tin việc đồng bóng, kính trọng nữ thần như bà chúa Ngọc, bà chúa Động, bà Hoà Tinh, bà Thủy Long...*”. Căn cứ theo những thư tịch ở địa phương cho thấy: tỉnh Định Tường cũ nay là tỉnh Tiền Giang có rất nhiều nơi thờ Trinh nữ, Hoà Tinh nương nương, Tứ vị nương nương;

tỉnh Bến Tre, Long An, Cần Thơ cũng có khá nhiều miếu thờ Bà như Bà Chúa Ngọc, Bà chúa Tiên, Bà Thiên Hậu, Bà Nữ Oa và Cửu Thiên Huyền Nữ. Gắn với những tín ngưỡng này là nghi lễ múa bóng rỗi. Trong những nơi thờ Mẫu ở Nam Bộ đáng chú ý nhất là việc thờ phụng Linh Sơn Thánh Mẫu ở núi Bà Đen và Bà chúa Xứ ở khu vực núi Sam, An Giang. Sách *Gia Định Thành Thông Chí* có ghi chép về núi Bà Đen như sau: “Núi này - tức núi Bà Đen - cao lớn... trên có chùa Vân Sơn, dưới có ao hồ, cảnh trí thật u nhã, xung quanh rừng hố sâu thẳm bao la”.

Đại Nam Nhất Thống Chí cũng có chép: “Núi Linh Sơn,... trên núi có chùa đá, ít người đi đến...” Núi có tên nữa là núi Điện Bà, năm Tự Đức thứ ba đổi tên như hiện nay.

Còn trong cuốn *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* ghi rằng: Điện Bà là đền thờ Bà Đen. Như vậy, các thư tịch đều khẳng định Bà Đen được phong làm Linh Sơn Thánh Mẫu. *Phải chăng (?) việc phong cho nữ thần núi Bà Đen thành thánh Mẫu nằm trong chủ trương của nhà Nguyễn từ Bắc vào Nam như thánh Mẫu Liễu Hạnh và Thiên Yana.*

Vùng đất An Giang được các nhà nghiên cứu cho rằng: đây là mảnh đất có địa hình quan trọng và hiểm yếu về quân sự của miền Tây Nam Bộ; phía Tây có kênh Vĩnh Tế là đường giao thông thủy, khống chế Hà Tiên; phía Đông có Thuận cảng thông với Vĩnh Long, Định Tường, Gia Định... và có núi Sam trấn giữ một vùng rộng lớn là cửa ngõ đi vào Thất Sơn.

Các tài liệu khác đều cho thấy: Đến

cuối thời kỳ Minh Mạng (1820-1840) vùng núi Sam còn rất hoang vu, cư dân thưa thớt; Trong Địa Bạ năm 1836 còn ghi: thôn Vĩnh Tế có 5 mẫu đất thổ cư; Và vùng biên giới Châu Đốc - Campuchia mới được xác lập vào cuối thế kỷ 19. Vì vậy, việc thờ Bà Chúa Xứ là rất mới.

Khi khảo cứu về pho tượng Bà Chúa Xứ vào năm 1942, nhà khảo cổ học người Pháp Malleret cho rằng đây là tượng thần Visnus, còn các nhà nghiên cứu ấn Độ rất ngạc nhiên khi gặp tượng thần Shiva Linga ở núi Sam. Có lẽ pho tượng này là di vật của nền văn hóa Óc Eo - gắn với vương quốc Phù Nam, bởi đây là một pho tượng đàn ông, tóc uốn thành búp xoắn thả về phía sau, trên mặt tượng có một vành như vương miện... Như vậy, tuy không cùng nguồn gốc với văn hóa Việt nhưng nó đã hội nhập vào điện thần Bà chúa Xứ và được Việt hóa. Cùng với thời gian, lễ hội Bà Chúa Xứ còn kết hợp với hội cầu yên, cầu mưa và lễ thức cúng đình của người dân vùng Châu Đốc, An Giang.

* *
*

Tín ngưỡng thờ Mẫu có một hệ thống thần rất đa dạng: đối tượng thờ cúng là mẹ, là thánh Mẫu; Địa điểm thờ cúng là những nơi có vị trí chiến lược về mặt quân sự, cũng như là nơi giao lưu về kinh tế; Nghi thức, nghi lễ của tín ngưỡng kết hợp được tất cả các nhu cầu của mọi tầng lớp trong xã hội..., tín ngưỡng này là điển hình của hiện tượng văn hóa dân gian tổng thể, thể hiện quá trình tiếp xúc giao lưu, hỗn dung văn hóa nhiều tầng, đa chiều như chính những đòi hỏi thực tế của

cuộc đời và điều đó tạo nên sự năng động, hoà nhập thích ứng của tín ngưỡng với cuộc sống./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Hạnh Cẩn, Lê Trần: *Chợ Viêng và Hội Phủ*, Nxb Giáo dục. H.1993.
2. H Deletic. *Bulletin de Amis du vieux Hué*, N4. 10-11-1916.
3. Đỗ Thi Hảo - Mai Thị Ngọc Chúc, *Các nữ thần Việt Nam*, Nxb Phụ nữ. H.1993.
4. Nguyễn Duy Hình, *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*, Nxb KHXH. H.1996.
5. Patrick B.Mullen: *Tín ngưỡng dân gian [Folk belief] trong Folklore - một số thuật ngữ đương đại*. Viện Nghiên cứu văn hóa. (Ngô Đức Thịnh - Frank Proschan chủ biên), Nxb KHXH. H.2005.
6. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, Tu Trai Nguyễn Tạo (dịch), *Đại Nam Nhất Thống Chí - Lục tỉnh Nam Việt*, tập Thượng, Nha Văn hoá xuất bản, Sài Gòn, 1959.
7. Nguyễn Minh San: *Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc. H.1998.
8. Quách Tấn, Xứ Trầm Hương, *Hội Văn học nghệ thuật Khánh Hoà (tái bản lần 2)*, Nha Trang, 2002.
9. Ngô Đức Thịnh (chủ biên) *Đạo Mẫu ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin. H.1998.
10. Trần Quốc Vượng (chủ biên) *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục. H.2001.

CHÚ THÍCH

1. Trần Quốc Vượng (chủ biên) *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb Giáo dục. H2001.tr.93